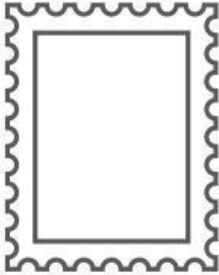
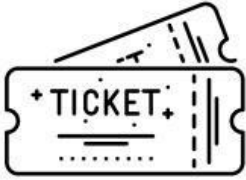


なまえ _____

ÂM NGẮT

Con hãy nhìn và tự rút ra quy luật phát âm từ vựng bất kỳ có âm ngắn nhé !

	きって kitte		ざっし zasshi/zatshi
	はっさい hassai/hatsai		きっぷ kippu
	けっこん kekkon		きっさてん kissaten/kitsaten
	ちょっと chotto		みっか mikka
	もっと motto		みっつ mittsu

なまえ _____

BIẾN ÂM - ÂM CÂM

Hãy nhìn và tự rút ra quy luật phát âm từ vựng có biến âm và âm câm nhé !

かぎ kagi	かぜ kaze
おじいさん ojiisan	ちず chizu
ごじ goji	しんぶん shimbun
えんぴつ empitsu	かばん kaban
だいじょうぶ daijoubu	だいすき daisuki

Phụ âm - Âm ngắt - Âm vô thanh

Con hãy nhìn, nghe và tập phán đoán sự hiện diện của các âm nhé !

いって きて	さき ざっし
して きて	かぎ さっき
しって して	いえ いいえ
いって みて	うえ みて
みせ みて	こえ うえ
ひいて いけ	それ これ
かめ かね	はさみ てがみ
まめ あめ	はなび はなみ
みみ いみ	まくら さくら
さしみ うみ	らくだ さかな

Âm đơn - Trường âm

Con hãy nhìn, nghe và tập phán đoán sự hiện diện của các âm nhé !

 おかさん おかあさん	 がっこう がっこう
 しゅくだい しゅうくだい	 とうふう とうふ
 せんせい せんせ	 ちゅうごく ちゅごく
 おねえさん おねさん	 おとうと おとと
 おじいさん おじさん	 おばさん おばあさん